

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Nguyễn Minh Ngọc
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính bán niên Công ty mẹ soát sát 2020 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 12 /08/2020 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:


BCTC bán niên Công ty mẹ soát sát 2020: Lợi nhuận sau thuế bán niên Công ty mẹ soát sát 2020 giảm 58% với cùng kỳ do: Doanh thu bán niên Công ty mẹ soát sát 2020 giảm 28% so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính giảm 50% so với cùng kỳ, Chi phí quản lý và chi phí bán hàng giảm 43% so với cùng kỳ.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

NGUYỄN MINH NGỌC



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 33

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2020 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 21 người. Trong đó nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Ông Ngô Anh Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Bà Lê Thị Tuyết Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Ông Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019

Ban Kiểm soát

• Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019
• Bà Đỗ Thị Phương Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019
• Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 07/03/2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Ái Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/08/2019
• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/03/2014
• Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Công ty là Ông Nguyễn Ái Bình ký Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền Số 271/QĐ – TC ngày 15/08/2019.

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ngày 12/08/2020 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2020 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2020 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.489.605.214	43.383.391.593
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.322.208.372	9.238.046.806
1. Tiền	111		4.322.208.372	3.993.580.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.244.466.258
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.817.289.887	5.020.723.617
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.486.543.092	5.486.543.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(669.253.205)	(465.819.475)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.542.844.822	20.391.496.407
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	16.143.474.251	10.965.147.075
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		796.000	907.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	11.000.000.000	10.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	306.796.640	356.464.303
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(908.222.069)	(931.022.471)
IV. Hàng tồn kho	140	11	14.638.584.871	8.474.019.276
1. Hàng tồn kho	141		14.638.584.871	8.474.019.276
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.677.262	259.105.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	21.218.049	12.985.995
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	112.342.930	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	35.116.283	246.119.492
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.035.659.041	34.251.653.173
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.075.209.035	9.196.806.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.607.052.163	2.728.649.295
- Nguyên giá	222		5.561.078.486	5.561.078.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.954.026.323)	(2.832.429.191)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	24.960.450.006	24.960.450.006
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.444.205.700	23.444.205.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(483.755.694)	(483.755.694)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	94.397.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	-	94.397.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.525.264.255	77.635.044.766

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.500.721.769	23.350.517.346
I. Nợ ngắn hạn	310		29.500.721.769	23.350.517.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	24.052.602.820	15.330.275.379
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	92.259.570	80.183.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.548.251	71.619.137
4. Phải trả người lao động	314		4.250.482.835	5.530.563.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.050.750.276	2.304.754.739
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	33.243.499	25.286.824
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.024.542.486	54.284.527.420
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	55.024.542.486	54.284.527.420
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.212.343.252	6.472.328.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.472.328.186	5.951.486.993
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		740.015.066	520.841.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.525.264.255	77.635.044.766



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	16.354.568.069	22.728.030.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.127.845	43.607.060
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		16.353.440.224	22.684.423.659
4. Giá vốn hàng bán	11	23	13.803.181.189	18.078.698.974
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>2.550.259.035</u>	<u>4.605.724.685</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	839.305.857	1.682.409.506
7. Chi phí tài chính	22	25	203.433.730	264.539.531
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	1.211.222.122	2.021.020.848
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	1.137.919.397	2.136.174.091
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>836.989.643</u>	<u>1.866.399.721</u>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	27	1.150.648	204.775
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(1.150.648)</u>	<u>(204.775)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>835.838.995</u>	<u>1.866.194.946</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	95.823.929	116.707.012
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>740.015.066</u>	<u>1.749.487.934</u>



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ai Bình

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	835.838.995	1.866.194.946
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	121.597.132	170.939.713
- Các khoản dự phòng	03	180.633.328	485.303.758
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(839.305.857)	(1.673.212.706)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	298.763.598	849.225.711
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.193.030.626)	(1.516.635.363)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.164.565.595)	(2.721.952.471)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.151.737.747	3.133.668.594
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	86.164.946	394.223.876
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	44.706.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(174.431.069)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.820.929.930)	8.805.278
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	(2.000.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	906.624.820	1.559.838.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(93.375.180)	(440.161.786)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.533.324)	(4.849.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.533.324)	(4.849.605.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.915.838.434)	(5.280.961.508)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.238.046.806	18.185.092.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.322.208.372	12.904.131.260



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ai Bình

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu


Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có 2 công ty con:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 78,86%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 55,99%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/6/2020, Công ty có các công ty con; Theo các quy định hiện hành, cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2020 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	320.370.666	310.078.875
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.001.837.706	3.683.501.673
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	5.244.466.258
Cộng	4.322.208.372	9.238.046.806

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.486.543.092	5.571.767.940	669.253.205	5.486.543.092	7.038.320.200	465.819.475
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	3.798.510.000	-	3.044.031.947	4.300.200.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	71.000	24.578	95.578	80.000	15.578
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	292.500.000	10.771.470	303.271.470	1.064.700.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	10.500.000	25.865.340	36.365.340	11.100.000	25.265.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	788.400.000	204.461.234	992.861.234	788.400.000	204.461.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954.277.275	581.686.940	372.590.335	954.277.275	739.160.200	215.117.075
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	100.100.000	55.540.248	155.640.248	134.680.000	20.960.248
Cộng	5.486.543.092	5.571.767.940	669.253.205	5.486.543.092	7.038.320.200	465.819.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tình hình hoạt động	30/06/2020				Dự phòng	01/01/2020			
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					23.444.205.700	-			23.444.205.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai	Đang hoạt động	55,99%	55,99%	925.300	11.445.035.700	-	55,99%	55,99%	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Đang hoạt động	78,86%	78,86%	1.104.040	11.999.170.000		78,86%	78,86%	11.999.170.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					2.000.000.000	483.755.694			2.000.000.000	483.755.694
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (*)	Đang hoạt động	1,84%	1,84%		2.000.000.000	483.755.694	1,84%	1,84%	2.000.000.000	483.755.694
Cộng					25.444.205.700	483.755.694			25.444.205.700	483.755.694

(*) Cổ phiếu của Công ty nhận đầu tư này chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về giá thị trường của khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của công ty này, do đó dự phòng tạm trích lập căn cứ vào BCTC năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	1.253.543.632	1.034.164.712
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	1.035.834.020	11.269.660
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	1.569.975.291	276.745.306
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Long An	1.362.285.133	128.018.748
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	327.097.420	304.706.967
Đối tượng khác	10.594.738.755	9.210.241.682
Cộng	16.143.474.251	10.965.147.075

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	67.475.560	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	6.910.040
Công ty CP Học liệu (EMCO)	12.320.501	34.109.067
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	1.569.975.291	276.745.306
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	312.657.915	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	327.097.420	304.706.967
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	1.035.834.020	11.269.660
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	664.578.480	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	34.652.070	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	18.841.544	-
Cộng	4.043.432.801	633.741.040

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Bên liên quan) (*)	1.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	11.000.000.000	10.000.000.000

(*) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam theo hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-VEPIC ngày 07/02/2020, thời gian vay từ 07/02/2020 đến 07/05/2020, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 7,5%/năm. Hợp đồng này đã được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ-VEPIC ngày 07/05/2020, thời gian gia hạn từ 07/05/2020 đến 07/08/2020.

(**) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư CMC theo hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV-CMC ngày 01/10/2019, thời gian vay từ 01/10/2019 đến 01/04/2020, số tiền vay là 10.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 7,5%/năm. Hợp đồng này đã được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-CMC ngày 02/04/2020, thời gian gia hạn từ 02/04/2020 đến 02/10/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	67.318.963	-
- Trong đó: Công ty CP Đầu tư CMC	-	-	64.583.333	-
(Bên liên quan)				
Tạm ứng	123.047.200	-	105.395.900	-
Ký quỹ	181.830.000	-	181.830.000	-
Phải thu khác	1.919.440	-	1.919.440	-
Cộng	306.796.640	-	356.464.303	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	703.012.173	718.012.173
+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	51.962.285	29.110.959
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	45.680.538
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	153.247.611	138.218.801
Cộng	908.222.069	931.022.471

11. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	776.969.550	-	729.592.550	-
Chi phí SX, KD dở dang	634.675.666	-	789.382.432	-
Thành phẩm	9.292.839.931	-	6.808.391.788	-
Hàng hóa	3.934.099.724	-	146.652.506	-
Cộng	14.638.584.871	-	8.474.019.276	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2020.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	21.218.049	12.985.995
Cộng	21.218.049	12.985.995

b. Dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí tổ chức bán thảo	-	94.397.000
Cộng	-	94.397.000

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Đ/tư XD CB h/thành	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Khấu hao					
Số đầu kỳ	861.328.936	57.782.720	1.755.613.047	157.704.488	2.832.429.191
Khấu hao trong kỳ	63.585.726	-	58.011.406	-	121.597.132
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	924.914.662	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	2.954.026.323
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2.670.637.889	-	58.011.406	-	2.728.649.295
Số cuối kỳ	2.607.052.163	-	-	-	2.607.052.163

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 2.381.746.598 đồng.
- Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 30/06/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong kỳ	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.918.594.128	1.228.975.128
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.895.456.402	4.137.116.982
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.965.289.360	5.774.979.960
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	9.374.256.052	191.513.500
Các đối tượng khác	2.899.006.878	3.997.689.809
Cộng	24.052.602.820	15.330.275.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.965.289.360	5.774.979.960
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	477.400	477.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	97.027.768	89.754.918
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	52.393.308	199.000.668
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	16.235.160
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	144.425	430.811.745
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	46.504.467
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	192.520.093	146.627.593
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.918.594.128	1.228.975.128
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	78.830.000	78.830.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	161.048.266	49.727.966
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	-	45.273.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	220.851.000	108.897.500
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	137.978.387	74.477.897
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	184.232.258	7.965.200
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	500.179.861	730.436.741
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.895.456.402	4.137.116.982
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	9.374.256.052	191.513.500
Các đối tượng khác	31.734.200	81.734.200
Cộng	22.811.012.908	13.439.340.605

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Bùi Anh Tôn	3.536.400	3.536.400
Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển Giáo dục	10.833.390	185.430
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp	9.129.000	-
Trung tâm giới thiệu sách Sài Gòn	11.333.700	-
Nhà Sách Bình Minh	8.320.000	8.320.000
Các đối tượng khác	49.107.080	68.141.288
Cộng	92.259.570	80.183.118

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	115.179.280	-	18.021.270	15.184.920	112.342.930	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	71.619.137	118.565.902	176.636.788	-	13.548.251
Thuế TNDN	130.940.212	-	95.823.929	-	35.116.283	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	246.119.492	71.619.137	235.411.101	194.821.708	147.459.213	13.548.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí bản thảo, biên tập	420.032.829	1.257.837.829
Chi phí hoa hồng môi giới	598.217.447	981.916.910
Chi phí khác	32.500.000	65.000.000
Cộng	1.050.750.276	2.304.754.739

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	9.489.999	-
Cổ tức phải trả	2.203.500	3.736.824
Thù lao trả cho HĐQT	18.400.000	18.400.000
Phải trả khác	3.150.000	3.150.000
Cộng	33.243.499	25.286.824

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	10.803.086.993
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.563.841.193
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.894.600.000
Số dư tại 31/12/2019	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	6.472.328.186
Số dư tại 01/01/2020	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	6.472.328.186
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	740.015.066
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2020	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	7.212.343.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.472.328.186	10.803.086.993
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	740.015.066	4.563.841.193
Phân phối lợi nhuận	-	8.894.600.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	4.851.600.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	4.851.600.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (*)	-	4.043.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	4.043.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	7.212.343.252	6.472.328.186

(*) Cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 10%) đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 27/06/2020 của Công ty phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	16.281.575.462	22.721.321.434
Doanh thu khác	72.992.607	6.709.285
Cộng	16.354.568.069	22.728.030.719

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Hàng bán bị trả lại	1.127.845	43.607.060
Cộng	1.127.845	43.607.060

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	13.781.057.603	17.886.751.057
Giá vốn hoạt động khác	22.123.586	6.259.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	185.688.917
Cộng	13.803.181.189	18.078.698.974

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lãi tiền gửi, cho vay	481.435.857	390.348.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia	357.870.000	1.282.864.651
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	-	9.196.800
Cộng	839.305.857	1.682.409.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	203.433.730	264.539.531
Cộng	203.433.730	264.539.531

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền lương và các khoản trích theo lương	684.696.812	1.356.655.931
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	65.479.170	214.286.355
Chi phí hoa hồng môi giới	81.150.355	32.093.540
Các khoản khác	379.895.785	417.985.022
Cộng	1.211.222.122	2.021.020.848

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền lương và các khoản trích theo lương	428.450.942	972.928.947
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	176.644.173	218.126.052
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(22.800.402)	35.075.310
Các khoản khác	555.624.684	910.043.782
Cộng	1.137.919.397	2.136.174.091

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	1.150.648	204.775
Cộng	1.150.648	204.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	835.838.995	1.866.194.946
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(356.719.352)	(1.282.659.876)
- Điều chỉnh tăng (Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế)	1.150.648	204.775
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	357.870.000	1.282.864.651
Tổng thu nhập tính thuế	479.119.643	583.535.070
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	95.823.929	116.707.012

29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.279.343	1.000.428.544
Chi phí nhân công	1.113.147.754	2.329.584.878
Chi phí khấu hao tài sản cố định	121.597.132	170.939.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.061.481	1.039.056.693
Chi phí khác bằng tiền	1.070.474.946	1.564.842.996
Cộng	2.760.560.656	6.104.852.824

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	24.052.602.820	-	24.052.602.820
Chi phí phải trả	1.050.750.276	-	1.050.750.276
Phải trả khác	23.753.500	-	23.753.500
Cộng	25.127.106.596	-	25.127.106.596
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.330.275.379	-	15.330.275.379
Chi phí phải trả	2.304.754.739	-	2.304.754.739
Phải trả khác	25.286.824	-	25.286.824
Cộng	17.660.316.942	-	17.660.316.942

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.322.208.372	-	4.322.208.372
Đầu tư tài chính	4.817.289.887	1.516.244.306	6.333.534.193
Phải thu khách hàng	15.235.252.182	-	15.235.252.182
Phải thu về cho vay	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Phải thu khác	183.749.440	-	183.749.440
Cộng	35.558.499.881	1.516.244.306	37.074.744.187

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.238.046.806	-	9.238.046.806
Đầu tư tài chính	5.020.723.617	1.516.244.306	6.536.967.923
Phải thu khách hàng	10.034.124.604	-	10.034.124.604
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	251.068.403	-	251.068.403
Cộng	34.543.963.430	1.516.244.306	36.060.207.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

[illegible]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	321.106.815	139.602.890
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	1.523.215.414	276.345.177
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	871.000
Công ty CP Học liệu (EMCO)	12.320.500	33.148.386
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	427.541.490	655.501.833
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	67.475.560	116.886.480
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	26.978.900	229.514.830
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	-	17.030.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	961.232.400	1.365.304.980
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	344.547.860	1.830.937.960
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	75.957.440
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	186.468.710	180.551.721
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	152.756.310	83.469.060
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	1.035.889.000	50.863.360
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	211.067.661	332.791.282
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	35.242.020	69.146.668
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	664.578.480	314.291.085
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.690.482.200	5.115.525.180
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi trẻ	-	7.043.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	7.272.850	110.119.080
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	3.392.640	83.228.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	12.378.000	118.718.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6.332.680	163.258.344
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	137.623.160	828.980.450
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	25.652.040
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	773.035.000	1.369.758.909
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	111.320.300	39.537.960
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	11.166.000	124.598.700
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	1.960.160.168
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	282.452.960	408.193.340
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	11.388.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	203.245.958	446.825.401
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.130.975.520	1.504.671.170
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.402.887.280	520.823.940
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	36.543.600
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	216.256.800	3.680.356.050
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	10.679.611.280	220.650.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Cho vay		
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	-	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	1.000.000.000	-

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	306.849.000	299.198.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	81.000.000	81.900.000

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Ái Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020